



zhǒng zi

种子

Noun • seed; germ

Example Sentences

zhè shì yī kē zhǒng zǐ

这是一颗种子。

This is a seed.

zhè kē zhǒng zǐ yùn hán zhe gǎi biàn wèi lái de wú xiàn kě néng

这颗种子蕴含着改变未来的无限可能。

This seed contains infinite possibilities for changing the future.

nóng mín zài chūn tiān bō xià zhǒng zǐ qiū tiān shōu huò liáng shí

农民在春天播下种子，秋天收获粮食。

Farmers sow seeds in spring and harvest crops in autumn.

Trace each character, then write the word on your own.

种 种 种 种 种 种 种 种 种 种 种

种

子 子 子 子 子 子